TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 163/2017/HS-ST
Ngày: 17/7/2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Bà Huỳnh Thị Út Mẫn**

Các Hội thẩm nhân dân: **1. Bà Trần Thị Lệ**

2. Ông Cao Trọng Mãnh

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Nguyên Hưng** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông **Lê Hoàng Vẹn** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 150/2017/HS-ST ngày 30 tháng 6 năm 2017 đối với bị cáo:

T, sinh năm: 1987, tại tỉnh Trà Vinh.

Tên thường gọi: M. Nơi ĐKHKTT: Số 8/214A, khu phố C, phường H, thành phố G, tỉnh Kiên Giang; số CMND: 371162096; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; con ông L và bà L1; anh chị em ruột có hai người; tiền sự: Chưa; tiền án: Chưa; ngày 19/11/2016 bị tạm giữ đến ngày 28/11/2016 được trả tự do. Đến ngày 13/3/2017, bị bắt tạm giam theo lệnh số 17, ngày 23/12/2016 của Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an thành phố Rạch Giá, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Rạch Giá.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

***- Người làm chứng*:**

1. N; sinh năm: 1991 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số 1/13 Đ, phường L, Tp. G, Kiên Giang.

2. Đ sinh năm: 1968 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số 42 T, phường L, Tp. G, Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

T thừa nhận bắt đầu sử dụng ma túy đá từ tháng 10/2016. Ngày 17/11/2016, T đến quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh gặp một người thanh niên (không rõ tên thật, địa chỉ) mua một bịch ma túy với giá 500.000 đồng. Sau khi mua được ma túy, T

đi xe khách về thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang. Đến khoảng 19 giờ 30 phút ngày 18/11/2016, T thuê phòng số 103 nhà nghỉ Ngọc Điệp 2, ở số 42 đường Hoàng Văn Thụ, phường Vĩnh Lạc, thành phố Rạch Giá và T điện thoại rủ N, sinh năm 1991, trú tại 1/13 đường Đ, phường L, thành phố G đến phòng trọ để cùng sử dụng ma túy. Khi N đến T lấy ra một ít ma túy để cùng N sử dụng thì bị Công an thành phố Rạch Giá bắt quả tang và thu giữ trên người T một bịch nylon được hàn kín, bên trong có chứa các hạt tinh thể rắn màu trắng không đồng nhất và một số vật chứng khác (Bút lục số: 01, 02).

*** Vật chứng thu được:**

- 01 (một) bịch nylon được hàn kín, bên trong có chứa các hạt tinh thể dạng rắn không đồng nhất, đã được niêm phong;

- 01 (một) ống thủy tinh dùng để sử dụng ma túy;

- Tiền Việt Nam: 1.560.000 đồng (một triệu năm trăm sáu chục ngàn đồng) đã trao trả cho chủ sở hữu;

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Connspeed, màu trắng đen, số Imei 938030080008398, đã qua sử dụng; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Philips, màu đen, số Imei 865656028175407, đã qua sử dụng (điện thoại không liên quan đến vụ án nên đã trao trả chủ sở hữu);

(Bút lục số: 01, 02, 40, 41)

*** Tại bản kết luận giám định số**: 654/KL- KTHS ngày 29/11/2016 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Kiên Giang, kết luận: "Các hạt rắn màu trắng dạng tinh thể không đồng nhất chứa trong 01 (một) bịch nylon được niêm phong gửi đến giám định là chất ma túy, loại Methamphetamine. Trọng lượng mẫu gửi giám định là 1,7772 gam" (Bút lục số: 16).

*** Tại bản cáo trạng số:** 160/KSĐT-MT ngày 29 tháng 6 năm 2017, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang đã truy tố các bị cáo T về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo khoản 1 Điều 194 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội phù hợp với bản kết luận điều tra của Cơ quan điều tra Công an thành phố Rạch Giá và bản cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 194, Điều 33, điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự; đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các quy định có lợi cho người phạm tội xử phạt bị cáo từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

- Về biện pháp tư pháp: Đề nghị áp dụng 41 Bộ luật hình sự, Điều 76 Bộ luật tố tụng hình; xử tịch thu tiêu hủy 01 (một) bịch nylon được hàn kín, bên trong có chứa các hạt tinh thể dạng rắn không đồng nhất, đã được niêm phong và 01 (một) ống thủy tinh dùng để sử dụng ma túy.

*** Lời nói sau cùng của bị cáo:** Bị cáo T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, bản thân bị cáo biết ăn năn, hối cải nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm được trở về đoàn tụ và lao động giúp đỡ gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Rạch Giá, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Bị cáo T đã có hành vi mua một gói ma túy (dạng hạt tinh thể rắn màu trắng) tại quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh của một người không rõ lai lịch để tàng trữ trái phép nhằm mục đích sử dụng. Khi bị bắt quả tang,T đang cùng N sử dụng ma túy tại phòng số 103 Nhà nghỉ Ngọc Điệp 2, địa chỉ số 42 Hoàng Hoa Thám, phường Vĩnh Lạc, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang; Cơ quan điều tra đã thu giữ trên người T gói ma túy có trọng lượng là 1,7772 gam được gửi giám định. Theo các kết luận giám định của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Kiên Giang, gói ma túy thu giữ trên người bị cáo T là loại Methamphetamine là chất ma túy nằm trong danh mục I, STT 67, Nghị định 82 ngày 19/7/2013 của Chính Phủ. Tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự 1999 quy định "Người nào tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm". Như vậy, hành vi của bị cáo T đã đủ yếu tố cấu thành tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

Xét thấy bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận thức được hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy là hành vi vi phạm phạm pháp luật, trực tiếp xâm phạm đến chính sách quản lý độc quyền của Nhà nước đối với các chất về ma túy; bị cáo nhận thức rõ tác hại của việc sử dụng ma túy là gây tổn hại đến thể chất, tinh thần của con người, nó cũng là nguyên nhân dẫn đến nhiều loại tội phạm khác, ảnh hưởng đến tình hình trật tự, trị an trong khu vực, nhưng bị cáo vẫn thực hiện hành vi phạm tội một cách cố ý. Hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng, do đó sau khi nghị án Hội đồng xét xử thống nhất xử phạt bị cáo bằng mức án cao của khung hình phạt, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để cải tạo, giáo dục bị cáo, đồng thời cũng nhằm tuyên truyền, phòng ngừa chung trong xã hội.

Tuy nhiên, xét thấy bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có nhân thân tốt thể hiện việc bị cáo không có tiền án, tiền sự; tại phiên tòa, ở giai đoạn đầu của phần xét hỏi bị cáo có thái độ chưa thành khẩn, nhưng sau đó bị cáo cũng đã thành khẩn khai báo toàn bộ hành vi phạm tội và ăn năn, hối cải, do đó bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Bên cạnh đó, hành vi phạm tội của bị cáo T tương ứng với quy định tại khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13, điều luật trên quy định cụ thể như sau:

"1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán,

vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù ***từ 01 năm đến 05 năm****:*

a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;

b) Nhựa thuốc phiện, nhựa cần sa hoặc cao côca có khối lượng từ 01 gam đến dưới 500 gam;

c) Hêrôin, côcain, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam*;….”*

Đối chiếu với quy định tại khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc Hội về việc thi hành Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14; Công văn số 276/TANDTC-PC ngày 13 tháng 9 năm 2016 của Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định có lợi cho người phạm tội của Bộ luật hình sự 2015, thì hành vi phạm tội của bị cáo T thuộc trường hợp được xem xét áp dụng các quy định có lợi để làm căn cứ quyết định hình phạt cho bị cáo, theo đó bị cáo sẽ được áp dụng hình phạt tù từ 01 năm đến 05 năm. Đồng thời, Hội đồng xét xử cũng xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ như đã phân tích ở trên để quyết định mức hình phạt phù hợp với hành vi phạm tội của cáo.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về xử lý vật chứng: Đối với: 01 (một) bịch nylon được hàn kín, bên trong có chứa các hạt tinh thể dạng rắn không đồng nhất, đã được niêm phong; 01 (một) ống thủy tinh dùng để sử dụng ma túy, Hội đồng xét xử quyết định xử tịch thu tiêu hủy theo quy định pháp luật.

[4] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 99 Bộ Luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo **T** (Tên gọi khác là M) phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 194, điểm p khoản 1và khoản 2 Điều 46, Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999 và khoản 3 Điều 7, khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015, Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc Hội; xử phạt bị cáo T một năm tù, thời hạn tù được tính kể từ ngày 13/3/2017, bị cáo được khấu trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 19/11/2016 đến ngày 28/11/2016, thời hạn tù còn lại buộc bị cáo phải chấp hành.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự, Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự; xử tịch thu tiêu hủy 01 (một) phong bì niêm phong bên ngoài ghi “niêm phong mẫu vật của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Kiên Giang”, vụ số 654/2016 ngày 28/11/2016 có chữ ký của Giám định viên Nguyễn Hoàng Nam và người chứng kiến

Trần Hà Trung và 01 (một) ống thủy tinh (nỏ) dùng để sử dụng ma túy.

(Các vật chứng nêu trên hiện do Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá quản lý theo quyết định chuyển giao vật chứng số: 78/QĐ-CGVC ngày 29/6/2017 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá).

- Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 99 Bộ Luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Buộc bị cáo T phải chịu 200.000 đồng *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

- Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (17/7/2017).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

*** Nơi nhận:**
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND Tp. Rạch Giá;
- Chi cục THA dân sự Tp. Rạch Giá;
- Công An Tp. Rạch Giá;
- Sở Tư pháp tỉnh Kiên Giang;
- Bị cáo;
- Lưu .

Huỳnh Thị Út Mẫn